

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số:~~4154~~ /TT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 18 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Thông báo số 75/TB-HĐND.TT ngày 02/5/2019 của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh về Thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2019; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “về một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An”, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngành nghề nông thôn là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân ở khu vực nông thôn; Để hỗ trợ thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn: Quyết định số 80/2008/QĐ.UBND ngày 18/12/2008 về việc Ban hành Quy định về công nhận làng có nghề, làng nghề và chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 85/2010/QĐ.UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Nghệ An về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 80/2008/QĐ.UBND và các chính sách hỗ trợ theo chương trình khuyến công của tỉnh.

Sau hơn 10 năm thực hiện chính sách phát triển ngành nghề nông thôn của tỉnh đã có bước phát triển đáng kể cả về quy mô và giá trị sản xuất. Đến nay, toàn tỉnh có 33.271 cơ sở ngành nghề nông thôn, 158 làng nghề, giải quyết việc

làm cho gần 20.000 lao động, thu nhập bình quân 3,5 - 4 triệu đồng/lao động/tháng.

Tuy nhiên, mức độ phát triển ngành nghề nông thôn còn chậm chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Hầu hết các cơ sở hoạt động ngành nghề nông thôn có quy mô nhỏ, manh mún, chủ yếu là kinh tế hộ, công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, lao động chưa được đào tạo nghề,...

Mặt khác, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn ban hành có hiệu lực từ ngày 01/6/2018 thay thế Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ. *Tại khoản 1, Điều 23 Nghị định 52/2018/NĐ-CP quy định " Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại địa phương; rà soát các văn bản quy định của địa phương phù hợp với quy định tại Nghị định này; xây dựng ban hành cơ chế, chính sách, quy định mức chi và bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn".* Theo đó, các Quyết định số 80/2008/QĐ.UBND ngày 18/12/2008, Quyết định số 85/2010/QĐ.UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Nghệ An quy định chi tiết các nội dung của Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ cũng hết hiệu lực phải bãi bỏ.

Nhằm tiếp tục hỗ trợ, thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần tích cực vào mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới thì việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh để cụ thể hóa chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ là thực sự cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhằm giải quyết được những tồn tại khó khăn trên.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích: Đề ra các quy định cụ thể mức hỗ trợ đầu tư và nguồn ngân sách hỗ trợ để phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm: Tạo động lực thúc đẩy ngành nghề nông thôn phát triển đạt được kết quả theo Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Nghệ An đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 20/3/2017, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

III. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng chính sách

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (*sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn*) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

IV. Nội dung của chính sách:

1. Chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất (*theo Quy định tại Khoản 3, Điều 7, Nghị định 52/2018/NĐ-CP*):

a) Mục tiêu chính sách

- Di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư để hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do các làng nghề gây ra;

- Hỗ trợ cho cơ sở ngành nghề có mặt bằng sản xuất phù hợp;

b) Nội dung chính sách

- Di dời mặt bằng sản xuất: Hỗ trợ một lần 50% tổng chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn để di dời cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương.

c) Giải pháp thực hiện

- Rà soát lại các cơ sở ngành nghề nông thôn bị ô nhiễm, đánh giá mức độ ô nhiễm và căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt để ưu tiên di dời các cơ sở bị ô nhiễm cao ra khỏi khu dân cư. Trường hợp ở địa phương đó chưa có quy hoạch thì điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời để di chuyển các cơ sở gây ô nhiễm.

- Tạo điều kiện giao đất, cấp quyền sử dụng đất, thuê đất cho các cở sở ngành nghề;

- Hỗ trợ kinh phí di dời phù hợp cho các cở sở ngành nghề nông thôn.

d) Lý do đề xuất

- Do trước đây chúng ta phát triển ngành nghề nông thôn mang tính tự phát, thiếu quy hoạch, vấn đề môi trường chưa được quan tâm đúng mức, nên hiện nay có khá nhiều cơ sở ngành nghề nông thôn làm ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến đời sống của cư dân nông thôn. Vì vậy, việc di dời các cơ sở sản xuất ngành nghề ra khỏi khu dân cư là thiết thực nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Mặt khác, Nghị định 52/2018/NĐ-CP không quy định cụ thể mức hỗ trợ mà giao cho tỉnh quy định để đáp ứng cân đối nguồn lực, khả năng đáp ứng ngân sách của tỉnh.

2. Chính sách hỗ trợ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (*theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Nghị định 52/2018/NĐ-CP*):

a) Mục tiêu chính sách

Hỗ trợ một phần kinh phí để giúp các làng nghề có kinh phí tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng.

b) Nội dung chính sách

- Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Hỗ trợ 50 triệu đồng/nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại Quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của UBND tỉnh.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương.

c) Giải pháp thực hiện chính sách

Thường xuyên hướng dẫn các đơn vị xây dựng các tiêu chí để được công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

d) Lý do đề xuất

Nhằm cổ vũ, động viên, khích lệ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có công phấn đấu đạt chuẩn và hỗ trợ một phần kinh phí đón bằng công nhận. Mức hỗ trợ này áp dụng thừa kế mức hỗ trợ của Quyết định số 80/2008/QĐ.UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Nghệ An.

3. Chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề: (*theo quy định tại Khoản 2, Điều 14, Nghị định 52/2018/NĐ-CP*):

a) Mục tiêu chính sách

Hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề nhằm giúp các làng nghề thuận tiện trong việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tăng

năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế; góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

b) Nội dung chính sách

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề: Hỗ trợ 02 tỷ đồng/làng nghề vùng đồng bằng và 03 tỷ đồng/làng nghề vùng miền núi để đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương.

c) Giải pháp thực hiện chính sách

- Các dự án đầu tư ngành nghề truyền thống được ưu tiên bố trí vào các cụm, điểm ngành nghề nông thôn theo quy hoạch, được hưởng các chính sách và thuế đất, phí sử dụng hạ tầng theo quy định của tỉnh;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn;

- Hoạt động nghiên cứu, xây dựng mô hình, dự án chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn;

d) Lý do đề xuất

Mức hỗ trợ này áp dụng thửa kế mức hỗ trợ của Quyết định số 85/2010/QĐ.UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 80/2008/QĐ.UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Nghệ An.

V. Dự kiến nguồn lực

Việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ nhằm bảo đảm các quy định của pháp luật trong việc phân bổ, chi tiêu ngân sách hàng năm. Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ hàng năm khoảng: **8.900** triệu đồng, gồm:

1. Kinh phí hỗ trợ di dời cơ sở ngành nghề đến nơi quy hoạch: Số lượng 05 cơ sở, kinh phí 200 triệu đồng/cơ sở, tổng kinh phí 1.000 triệu đồng;

2. Kinh phí hỗ trợ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Số lượng 08 làng, kinh phí 50 triệu đồng/làng, Tổng kinh phí 400 triệu đồng;

3. Kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho làng nghề: Số lượng 03 làng nghề x bình quân 2.500 triệu đồng/làng, tổng kinh phí khoảng 7.500 triệu đồng;

Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại mục 1, 2 mục V nêu trên từ ngân sách địa phương; kinh phí hỗ trợ theo quy định tại mục 3, mục V nêu trên từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương.

Ngoài các nguồn vốn trên, khuyến khích, tranh thủ huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bổ sung thực hiện chính sách đạt hiệu quả.

VI. Thời gian dự kiến thông qua và ban hành Nghị quyết

Dự kiến Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành trong kỳ họp giữa năm 2019 (kỳ họp thứ 9, Khóa XVII của HĐND tỉnh).

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. *B*

Noi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh uỷ (để b/c);
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, Tài chính, Tư pháp;
- CVP, PVPKT VP UBND tỉnh;
- Lưu VT. CVNNUB. *MK*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~**



Đinh Viết Hồng

Số: /2019/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về một số chính sách hỗ trợ phát triển
ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (*sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn*) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2: Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

1. Di dời mặt bằng sản xuất: Hỗ trợ một lần 50% tổng chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn để di dời cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.

2. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Hỗ trợ 50 triệu đồng/nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại Quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của UBND tỉnh.

3. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề: Hỗ trợ 02 tỷ đồng/làng nghề vùng đồng bằng và 03 tỷ đồng/làng nghề vùng miền núi để đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề.

Điều 3: Kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 2 Nghị quyết này từ ngân sách địa phương; kinh phí hỗ trợ tại khoản 3, Điều 2 Nghị quyết này từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương.

Điều 4: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5: Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Noi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT, SNN (2), 100.

Nguyễn Xuân Sơn

Số: 233 /SNN-PTNT

Nghệ An, ngày 10 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An giao tại Công văn số 5064/UBND-CN ngày 11/7/2018 về việc xây dựng Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao trong Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Để hoàn thiện dự thảo văn bản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 02/5/2019 gửi: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện để lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết và có Công văn số 1279/SNN-PTNT ngày 10/5/2019 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An gửi Sở Tư pháp.

Đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được văn bản góp ý của các cơ quan, địa phương đơn vị và báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Sở Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình như sau:

1. Sở Tài chính (Công văn số 1377/STC-QLG&CS ngày 09/5/2019), có 03 ý kiến như sau:

- Ý kiến thứ nhất: Đề nghị Ban soạn thảo có báo cáo đánh giá cụ thể tình hình thực hiện hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo các Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND và Quyết định số 85/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh.

Về nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau: Về đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND và Quyết định số 85/2010/QĐ-UBND đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá trong quá trình xây dựng hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương xây dựng Nghị quyết và đã được Thường trực HĐND tỉnh xem xét thông qua.

- Ý kiến thứ hai: Đối với chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất: Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở đưa ra mức tối đa 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề.



Về nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo như sau: Cơ quan soạn thảo đưa ra định mức tối đa 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề bởi các lí do sau đây:

Thứ nhất: Qua quá trình khảo sát thực tế, thì nhu cầu của các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh khi di chuyển đến nơi mới (không bao gồm đất đai) bình quân từ 550 đến 600 triệu/cơ sở đối với Ngành nghề sản xuất, chế biến; 250- 300 triệu đồng/01 cơ sở đối với Thủ công mỹ nghệ, vì vậy Cơ quan soạn thảo lấy bình quân 400 triệu đồng/01 cơ sở.

Thứ hai: Do ngân sách nhà nước còn khó khăn với tinh thần nhà nước và nhân dân cùng làm nên chỉ đưa ra mức hỗ trợ 50% tổng kinh phí di dời và không quá 200 triệu đồng/cơ sở để mang tính khả thi.

Thứ ba: Để đảm bảo mặt bằng chung về chính sách hỗ trợ như: chính sách xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại Khoản 13, Điều 6, Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An cũng Hỗ trợ 50% tổng chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở;

- Ý kiến thứ ba: Đề nghị tại Điều 2 của Dự thảo chỉ quy định về chính sách hỗ trợ, bỏ đi điểm (b) tại các mục 1,2,3. Trong trường hợp cần thiết bổ sung thêm 1 Điều quy định về nguồn kinh phí hỗ trợ như sau: “Điều 3: Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương.”

Về nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kết hợp với ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để tiếp thu, chỉnh sửa.

2. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An(Công văn 2214/MTTQ-BTT ngày 09/5/2019), có 02 ý kiến góp ý như sau:

- Ý kiến thứ nhất: Cơ bản nhất trí với các nội dung trong dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Ý kiến thứ hai: Tại phần căn cứ trang 1 dự thảo nêu tách Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thành 1 ý riêng, nên bổ sung: Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh”.

Về nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không tiếp thu, bởi vì theo báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp thì đề chung như dự thảo.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư(Công văn số 1470/SKHĐT-DN ngày 09/5/2019), có 02 ý kiến như sau:

- Ý kiến thứ nhất: Nhất trí với các nội dung của dự thảo.

- Ý kiến thứ hai: Tại điểm b, khoản 3, Điều 2 trình bày như sau: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu, ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã.

Với nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không tiếp thu, bởi vì: Nội dung này đã trích theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 52/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; Mặt khác, theo quy định trong Luật ngân sách nhà nước thì ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.

4. Sở Công thương (công văn số 707/SCT-KHTCTH ngày 08/5/2019) có 02 ý kiến như sau:

- Ý kiến thứ nhất: Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo.
- Ý kiến thứ hai: Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại nội dung hỗ trợ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại khoản 2, Điều 2.

Tại quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Nghệ An, các làng nghề được UBND tỉnh công nhận được hỗ trợ các nội dung: Tổ chức đón nhận, tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm, tổ chức tập huấn cho lao động làng nghề,... Mức chi: Thực hiện theo Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 về việc Ban hành Quy định về công nhận làng có nghề, làng nghề và chính sách khuyến khích phát triển tiêu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Với nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau: Việc đưa nội dung hỗ trợ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống vào dự thảo Nghị quyết lần này là không trùng lặp bởi với các lý do sau đây: Đề hỗ trợ thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn. Trên cơ sở đó UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trong đó có Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 về việc Ban hành Quy định về công nhận làng có nghề, làng nghề và chính sách khuyến khích phát triển tiêu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, có hiệu lực từ ngày 01/6/2018, *Tại khoản 1, Điều 23 Nghị định 52/2018/NĐ-CP quy định " Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại địa phương; rà soát các văn bản quy định của địa phương phù hợp với quy định tại Nghị định này; xây dựng ban hành cơ chế, chính sách, quy định mức chi và bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn".* Theo đó, các quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 và Quyết định số 85/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Nghệ An quy định chi tiết các nội dung của Nghị định 66/2006/NĐ-CP cũng hết hiệu lực phải bãi bỏ. Vì vậy, việc đưa nội dung hỗ trợ như dự thảo là cần thiết và phù hợp.

5. Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 596/BCTD-STP ngày 14 tháng 05 năm 2019) có 06 ý kiến như sau:

- Ý kiến thứ nhất: Phạm vi điều chỉnh: Đề nghị bỏ điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo để phù hợp hơn. Vì có nhiều nội dung đã được quy định ở những văn bản khác mà không phải là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Với nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa.

- Ý kiến thứ hai: Tên gọi văn bản đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An*” để thống nhất với phạm vi điều chỉnh.

Về nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

- Ý kiến thứ ba: Đề nghị chỉnh sửa phần Xét Tờ trình như sau: “*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*” để chính xác.

Về nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

- Ý kiến thứ tư: Điều 2 dự thảo: Đề nghị chỉnh sửa như sau:

“Điều 2. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

(1). *Di dời mặt bằng sản xuất: Hỗ trợ một lần 50% tổng chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn để di dời cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.*

(2). *Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Hỗ trợ 50 triệu đồng/nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại Quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của UBND tỉnh.*

(3). *Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề: Hỗ trợ 02 tỷ đồng/làng nghề vùng đồng bằng và 03 tỷ đồng/làng nghề vùng miền núi để đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề.*

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết này từ ngân sách địa phương; kinh phí hỗ trợ tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu, ngân sách địa phương”.

Về các nội dung nêu trên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.

- Ý kiến thứ măm: Đề nghị chỉnh sửa Điều 3, Điều 4 dự thảo thành Điều 4, Điều 5 dự thảo để chính xác.

- Ý kiến thứ 6: Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

+ Phần Căn cứ sử dụng kiểu chữ in nghiêng để chính xác;

+ Phần nơi nhận: tại nội dung “Lưu: VT” đề nghị bổ sung tên đơn vị soạn thảo (số lượng bản lưu), tên người soạn thảo (số lượng phát hành) để đầy đủ và chính xác hơn.

Về các nội dung này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

6. UBND huyện Kỳ Sơn tại công văn số 220/UBND.NN ngày 03/5/2019: UBND huyện nhất trí hoàn toàn với dự thảo.

7. UBND huyện Thanh Chương tại công văn số 674/UBND-NN ngày 07/5/2019: UBND huyện nhất trí với các nội dung của dự thảo.

8. UBND huyện Quỳnh Lưu tại công văn số 931/UBND-NN ngày 07/5/2019: UBND huyện thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

9. UBND huyện Quế Phong tại công văn số 514/UBND-NN ngày 07/5/2019: UBND huyện thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

10. UBND huyện Hưng Nguyên tại công văn số 466/UBND-NN ngày 09/5/2019: UBND huyện thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

11. UBND huyện Nghĩa Đàn tại Công văn số 310/UBND-NN ngày 14/5/2019: UBND huyện thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

12. UBND huyện Tân Kỳ tại Công văn số 698/UBND.NN ngày 14/5/2019: UBND huyện thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý và báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở;
- A.Lập PGĐ Sở;
- Chi cục PTNT (t/h);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Nghĩa Hiếu

Số: 546 /BCTD-STP

Nghệ An, ngày 14 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết một số chính sách hỗ trợ phát triển
ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.

Phúc đáp Công văn số 1279/SNN- PTNT ngày 10/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sau khi nghiên cứu, đối chiếu dự thảo với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Đề nghị bỏ điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo để phù hợp hơn. Vì có nhiều nội dung đã được quy định ở những văn bản khác mà không phải là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

b) Đối tượng áp dụng: Nhất trí như dự thảo

2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật hiện hành

a) Tên gọi văn bản đề nghị chỉnh sửa lại như sau: "Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An" để thống nhất với phạm vi điều chỉnh;

b) Đề nghị chỉnh sửa phần Xét Tờ trình như sau: "Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp." để chính xác;

c) Điều 2 dự thảo: đề nghị chỉnh sửa như sau:

"Điều 2. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

1. Di dời mặt bằng sản xuất: Hỗ trợ một lần 50% tổng chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn để di dời cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.

2. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Hỗ trợ 50 triệu đồng/nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại Quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của UBND tỉnh.

3. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề: Hỗ trợ 02 tỷ đồng/làng nghề vùng đồng bằng và 03 tỷ đồng/làng nghề vùng miền núi để đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề.

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết này từ ngân sách địa phương; kinh phí hỗ trợ tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu, ngân sách địa phương”.

d) Đề nghị chỉnh sửa Điều 3, Điều 4 dự thảo thành Điều 4, Điều 5 dự thảo để chính xác.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

a) Về ngôn ngữ

Ngôn ngữ được sử dụng trong dự thảo đã đảm bảo tính chính xác, phổ thông, cách diễn đạt tương đối rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu.

b) Về thể thức và kỹ thuật trình văn bản

Về cơ bản, dự thảo đã tuân thủ theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để dự thảo hoàn thiện, đề nghị:

- Phần Căn cứ sử dụng kiểu chữ in nghiêng để chính xác;
- Phần nơi nhận: tại nội dung “Lưu: VT” đề nghị bổ sung tên đơn vị soạn thảo (số lượng bản lưu), tên người soạn thảo (số lượng phát hành) để đầy đủ và chính xác hơn.

4. Kết luận

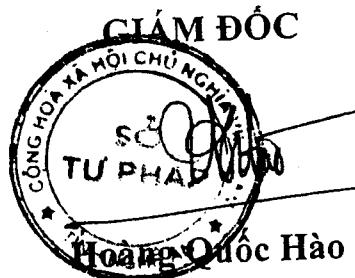
Sở Tư pháp nhất trí với việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo, gửi báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp (theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm

pháp luật năm 2015) trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

Noi nhận:

- Như trên;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu VT, VB.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 45/TB-HĐND.TT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 22 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO

**Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
tại phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2019**

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp thường kỳ tháng 4 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Xuân Sơn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh. Tham dự phiên họp có các đồng chí Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh; đại diện lãnh đạo: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; lãnh đạo các Ban HĐND, Văn phòng HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng UBND tỉnh; đại diện lãnh đạo một số sở, ngành, UBND huyện, xã có liên quan.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu thảo luận của các đại biểu dự họp, Chủ tịch HĐND tỉnh kết luận như sau:

I. VỀ NỘI DUNG GIẢI TRÌNH “VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 6 HĐND TỈNH VÀ PHIÊN GIẢI TRÌNH CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH VỀ CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN”

Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với báo cáo của UBND tỉnh và các ngành liên quan cũng như những ý kiến trao đổi, thảo luận, giải trình của các đại biểu tham dự phiên họp về những kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện “kết luận chất vấn tại kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh và phiên giải trình của Thường trực HĐND tỉnh về công tác tái định cư các dự án thủy điện; ảnh hưởng của các dự án thủy điện đến đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương”.

Giao Văn phòng HĐND tỉnh tiếp thu đầy đủ những ý kiến của các đại biểu tại phiên họp và kết luận của Chủ tịch HĐND tỉnh để tham mưu trình Thường trực HĐND tỉnh ký ban hành Thông báo kết luận phiên giải trình chuyển đến UBND tỉnh và các ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện.

**II. VỀ LỰA CHỌN NỘI DUNG GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ NĂM 2020
CỦA HĐND TỈNH**

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh

2020: “giám sát việc thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh”.

Giao Văn phòng HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp các Ban HĐND tỉnh rà soát, lựa chọn một số Nghị quyết cụ thể về cơ chế chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh do HĐND tỉnh ban hành đang còn hiệu lực thi hành để xây dựng kế hoạch, đề cương giám sát trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

III. VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TRÌNH NGHỊ QUYẾT VÀ BỔ SUNG DANH MỤC ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH NĂM 2019

Trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp, Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

- Thống nhất với UBND tỉnh về đề nghị: chuyển 03 Nghị quyết trình kỳ họp giữa năm sang trình kỳ họp cuối năm; chuyển 02 Nghị quyết trình kỳ họp cuối năm lên trình kỳ họp giữa năm 2019; bổ sung trình HĐND tỉnh xem xét 05 đề nghị xây dựng Nghị quyết cá biệt và 04 đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật (*theo đề nghị của UBND tỉnh tại Công văn số 2220/UBND-TH ngày 08/4/2019; Công văn số 2735/UBND-TH ngày 24/4/2019*),

- Không đưa đề nghị xây dựng “Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 298/2009/NQ-HĐND ngày 23/12/2009 của HĐND tỉnh về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức là người miền xuôi lên công tác tại vùng cao” vào danh mục đề nghị xây dựng Nghị quyết theo khoản 2, 3 và 4 điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*nội dung này nhập chung vào Nghị quyết xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành từ ngày 31/12/2018 trở về trước đang còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh Nghệ An trình HĐND tỉnh xem xét tại kỳ họp giữa năm 2019*);

- Nghiên cứu đặt tên đổi với một số Nghị quyết để đảm bảo tính chính xác (như: Nghị quyết về phê duyệt Đề án sáp nhập khối, xóm, bản; Nghị quyết về phê duyệt Đề án sáp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết về phê duyệt Đề án khoán kinh phí cho những người hoạt động không chuyên trách ở xã và xóm, khối, bản); nghiên cứu về thời gian trình một số Nghị quyết để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình, quy định (như: Nghị quyết về phê duyệt Đề án sáp nhập khối, xóm, bản; Nghị quyết hỗ trợ kinh phí khuyến khích các xã phường, xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn 2019-2025,...);

- Tiếp tục rà soát những Nghị quyết chưa đưa vào danh mục đề nghị xây dựng Nghị quyết năm 2019 (như các Nghị quyết về công tác nhân sự: Nghị quyết về sáp xếp công an xã,...) để tổng hợp đầy đủ, chính xác danh mục đề nghị

xây dựng Nghị quyết năm 2019 trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG 4, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 5

1. Về kết quả hoạt động tháng 4:

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất những kết quả đạt được như dự thảo báo cáo đánh giá. Trong tháng 4, Thường trực, các Ban và Văn phòng HĐND tỉnh đã chủ động triển khai các nội dung công việc đảm bảo chất lượng, tiến độ, trong đó thực hiện một số nội dung trọng tâm sau: triển khai kế hoạch giám sát của HĐND tỉnh “về công tác thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Nghệ An từ năm 2016 đến năm 2018”; khảo sát công tác tiếp công dân, việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân; xử lý các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh đúng quy trình, quy định; điều hòa hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban HĐND tỉnh; tham dự các hội thảo, hội nghị do Trung ương, Tỉnh tổ chức.

2. Về nhiệm vụ trọng tâm tháng 5:

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất với các nhiệm vụ đã nêu trong dự thảo Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện như sau:

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành Kế hoạch giám sát của HĐND tỉnh “về công tác thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Nghệ An từ năm 2016 đến năm 2018”; Kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh về khảo sát công tác tiếp công dân, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức họp thống nhất với UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh và các cơ quan liên quan về dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021 và phân công chuẩn bị kỳ họp; thống nhất với UBMTTQ tỉnh về kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp của đại biểu HĐND tỉnh;

- Thường trực HĐND tỉnh điều hòa hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban HĐND tỉnh, cụ thể:

+ Ban Văn hóa – Xã hội giám sát “việc thực hiện các chỉ tiêu về văn hóa theo Nghị quyết số 191/2015/NQ-HĐND ngày 20/12/2015 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020”;

+ Ban kinh tế - Ngân sách giám sát “hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, công tác triển khai các đề tài, dự án khoa học- công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn từ năm 2016 -2018”.

+ Ban Pháp chế giám sát “công tác xử lý tai nạn giao thông và vi phạm pháp luật về an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về các nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án được phân công thẩm tra và tình hình, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri trong lĩnh vực pháp chế;

+ Ban Dân tộc khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về các nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án được phân công thẩm tra và tình hình, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri trong lĩnh vực dân tộc, miền núi;

- Tiếp tục theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri, việc thực hiện kết luận sau giám sát của HĐND, Thường trực, các Ban HĐND tỉnh; thẩm tra các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp theo lĩnh vực (nếu có);

- Văn phòng HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan quan tham mưu ban hành và triển khai Kế hoạch xây dựng lịch sử HĐND tỉnh, Phòng truyền thống HĐND tỉnh; Kế hoạch nâng cấp, mở rộng thêm chuyên mục trên Trang Thông tin Điện tử Đại biểu HĐND tỉnh Nghệ An; xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý việc thực hiện kết luận chất vấn, giải trình, kiến nghị sau giám sát; xây dựng phần mềm về công tác đơn thư;

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Báo chí, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh để tuyên truyền các hoạt động của HĐND, Thường trực, các Ban HĐND tỉnh, nhất là các hoạt động giám sát, khảo sát.

Trên đây là Thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 4, đề nghị UBND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện./. *ac*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch HĐND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- LĐ và CV các Phòng: TH, HC-TC-QT;
- Lưu: VT.

TL. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Văn Hóa

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH

Số: 159/LĐTBXH-DN
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.

Phúc đáp Công văn số 1322/LĐTBXH-PTNN ngày 15/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết về chính sách phát triển ngành nghề nông nghiệp, trong đó có nội dung không đưa hỗ trợ dạy nghề vào chính sách phát triển ngành nghề nông thôn.

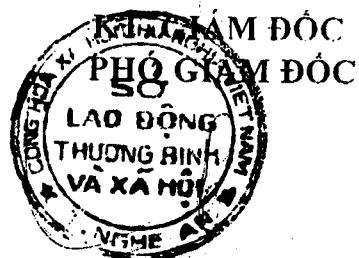
Vấn đề này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

Theo Điều 11 của Nghị định 52/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành nghề nông nghiệp: xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo cho lao động nông thôn học nghề theo hình thức cặp nghề, truyền nghề của nghệ nhân, thợ thủ công đã được quy định tại Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 và Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, mức hỗ trợ được quy định tại Quyết định 55/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh ban hành danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Đồng thời, tại Công văn số 154/VP-KSTT ngày 28/3/2019 của Văn phòng UBND tỉnh nêu rõ một số chính sách đã được UBND tỉnh quy định thì không đưa vào dự thảo Nghị quyết để tránh trùng lặp và đảm bảo đúng thẩm quyền.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhất trí với dự thảo của Nghị quyết do Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn soạn thảo là không đưa nội dung "hỗ trợ dạy nghề" vào chính sách phát triển ngành nghề nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (Để b/c);
- Lưu VT, DN.



Đặng Cao Thắng

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN
BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 2214/MTTQ-BTT
V/v: góp ý Dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng Nhân dân tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 19 tháng 05 năm 2019

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An

Ngày 03/05/2019 Ủy ban MTTQ tỉnh nhận được Công văn số 1183 /SNN-PTNT của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An về việc góp ý dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, sau khi nghiên cứu, Ủy ban MTTQ tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về góp ý văn bản: Cơ bản nhất trí với các nội dung trong dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh dự thảo trong văn bản.

2. Về ý kiến góp ý bổ sung: tại phần căn cứ tại trang 1 dự thảo Nghị quyết, nên tách phần Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, thành 1 ý riêng, nên bổ sung: “Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh”.

Vậy, Ủy ban MTTQ tỉnh thông báo để Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh tổng hợp./*Nguyễn Văn Huy*

Noi nhận:

- Như trên;
- Ban TT. MTTQ tỉnh;
- Ban PT;
- Lưu VP, PT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Văn Huy

**UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1377/STC-QL.G&CS
V/v góp ý Dự thảo nghị quyết
HĐND tỉnh về Quy định một số
nội dung, chính sách phát triển
ngành nghề nông thôn

Nghệ An, ngày 09 tháng 5 năm 2019

Kính gửi : Sở Nông nghiệp và PTNT

Phúc đáp Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 20/07/2018 của Sở Nông
nghiệp và PTNT V/v góp ý Dự thảo nghị quyết HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu quy định hiện hành và các nội dung có liên quan, Sở
Tài chính có ý kiến như sau:

Thực hiện Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006 của Chính phủ,
UBND tỉnh đã ban hành các quyết định: số 80/2008/QĐ-UBND ngày 20/12/2008
về ban hành quy định về công nhận làng có nghề, làng nghề và chính sách khuyến
khích phát triển tiêu thụ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số
85/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
quy định về công nhận làng có nghề, làng nghề và chính sách khuyến khích phát
triển tiêu thụ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm
theo Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh.

Nay thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của
Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (có hiệu lực thi hành từ ngày
01/06/2018 và thay thế Nghị định số 66/2006/NĐ-CP nêu trên), Sở Nông nghiệp
và PTNT dự kiến trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định
một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn
tỉnh Nghệ An. Vậy đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát lại tính pháp lý của
Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND và 85/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 nêu
trên để trình UBND tỉnh có quyết định bãi bỏ các Quyết định này để tránh nhầm
lẫn trong việc thực hiện chính sách.

- Đề nghị Ban soạn thảo có báo cáo đánh giá cụ thể tình hình thực hiện hỗ
trợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo các Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND và
85/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 nêu trên.

- Đối với chính sách hỗ trợ mặt hàng sản xuất: đề nghị ban soạn thảo làm
rõ cơ sở đưa ra định mức tối đa 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề.

+ Đề nghị tại Điều 2 của Dự thảo chỉ quy định về chính sách hỗ trợ, bỏ đi
diễn b) tại các mục 1, 2, 3. Trong trường hợp cần thiết bổ sung thêm 1 Điều quy

dịnh về nguồn kinh phí hỗ trợ như sau: "Điều 3: Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương."

Trên đây là ý kiến đề xuất của Sở Tài chính để Sở Nông nghiệp và PTNT tham khảo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Giám đốc Sở, (b/o)
- Lưu: VT, QLG&CS

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tài chính
Email: tctn@nghean.gov.vn

Cơ quan: Tỉnh Nghệ An
Ngày ký: 09.05.2019
14:08:29 +07:00

Nguyễn Ngọc Đức

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1470/SKHĐT-DN

Nghệ An, ngày 09 tháng 5 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết chính sách phát triển ngành nghề nông thôn

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 12/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến góp ý như sau:

- Tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết (*Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương*):

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, trình bày như sau: "*Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu, ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, cấp xã*".

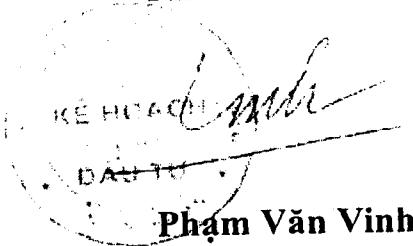
- Các nội dung khác: Nhất trí như dự thảo.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ Sở, PGĐ phụ trách;
- Lưu: VT, DN

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Phạm Văn Vinh

Người ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Email: khdt@nghean.gov.vn.
Cơ quan: Tỉnh Nghệ An

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 707/SCT-KHTCTH

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Nghệ An, ngày 08 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nghệ An

Sở Công Thương nhận được Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 12/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Công Thương có ý kiến như sau:

- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo.
- Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại nội dung hỗ trợ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại Khoản 2, Điều 2 của Dự thảo:

Tại Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Nghệ An, các làng nghề được UBND tỉnh công nhận được hỗ trợ các nội dung: Tổ chức đón nhận, tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm, tổ chức tập huấn cho lao động làng nghề... Mức chi: Thực hiện theo Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành Quy định công nhận làng có nghề, làng nghề và chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nghiên cứu, tổng hợp./. (†

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, KHTCTH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN**

Số: 20/UBND.NN

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kỳ Sơn, ngày 03 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
 - Chi cục Phát triển nông thôn,
- tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Công văn số: 1183/SNN-PTNT, ngày 12/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An về việc góp ý Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chính sách hỗ trợ phát triển ngành, nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, UBND huyện Kỳ Sơn nhất trí cao các nội dung trong dự thảo văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh soạn thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT (KT) UBND huyện;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



La Văn Chánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG

Ký bởi: Ủy ban nhân
dân huyện Thanh
Chương
Email:
thanhchuong@nghean.
gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Nghệ
An
Ngày ký: 07.05.2019
17:00:26 +07:00

Số: 674/UBND-NN
V/v góp ý kiến vào Dự thảo Nghị
quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Công văn số 1183 /SNN-PTNT ngày 02/5/2019 của Sở Nông
nghiệp & PTNT tỉnh Nghệ An về việc đề nghị góp ý vào Dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển ngành
nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày
12/4/2018 của Chính phủ, do Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì tham mưu, Ủy ban
nhân dân huyện Thanh Chuong nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo Nghị
quyết và không có ý kiến gì thêm.

Vậy, UBND huyện làm Công văn này, báo cáo với Sở Nông nghiệp & PTNT,
Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An được biết./ *Mr*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VTUB, RS/ *Mr*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hữu Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
Số: 331 /UBND-NN

V/v góp ý Dự thảo NQHĐND tỉnh về
chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề
nông thôn theo ND 52/2018/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quỳnh Lưu, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 02/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị góp ý Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghệ An; UBND huyện Quỳnh Lưu có ý kiến như sau như sau:

Thông nhất với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

Đề nghị Sở nông nghiệp và PTNT tổng hợp ý kiến trình UBND tỉnh sớm ban hành Nghị quyết.

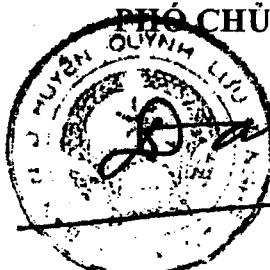
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu VTNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG**

Số: 514 /UBND-NN
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quế Phong, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Nông nghiệp &PTNT tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Công văn số 1183/SNN.PTTN ngày 12/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Qua nghiên cứu bản dự thảo kèm theo, UBND huyện Quế Phong có ý kiến như sau:

- Thống nhất với bản dự thảo Quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói trên.

Vậy, UBND huyện Quế Phong báo cáo để Sở Nông nghiệp & PTNT được biết./:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện; (đề b/c);
- Chi cục PTNT;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VT, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hiền


ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG NGUYÊN

Số: 466/UBND-NN

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết của Hội
đồng nhân dân tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Nguyên, ngày 09 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Nông nghiệp&PTNT tỉnh Nghệ An.

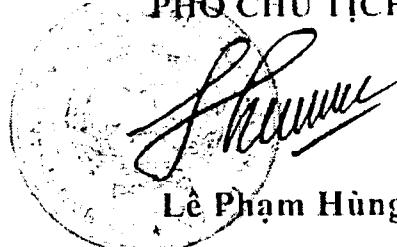
Ủy ban nhân dân huyện Hưng Nguyên nhận được Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 02/5/2019 của Sở Nông nghiệp&PTNT Nghệ An “V/v đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh”.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Đề án, UBND huyện thống nhất các nội dung Đề án do Sở Nông nghiệp&PTNT dự thảo.

Trên đây là góp ý của UBND huyện Hưng Nguyên, rất mong Sở xem xét trình UBND tỉnh sớm ban hành Nghị quyết./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu VT 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Phạm Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 698 /UBND.NN

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết của Hội
đồng nhân dân tỉnh

Tân Kỳ, ngày 14 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An;
- Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Công văn số 1183/SNN-PTNT ngày 02/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị góp ý vào Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND huyện Tân Kỳ hoàn toàn thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã xây dựng.

UBND huyện Tân Kỳ kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT; Chi cục Phát triển nông thôn tổng hợp tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành nghị quyết, giao UBND tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết đạt hiệu quả cao trên địa bàn theo đúng quy định./. *Hoàng Quốc Việt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND huyện (b/cáo);
- Phòng NN-PTNT;
- Lưu VT. *Hoàng Quốc Việt*



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN**

Số: 310 /UBND-NN

Về việc góp ý Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghĩa Đàn, ngày 14 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An;
- Chi cục Phát triển nông thôn Nghệ An.

Căn cứ Công văn số 1123/SNN-PTNT ngày 02/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc góp ý Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn đồng ý với Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là góp ý của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND PTKT huyện;
- Phòng Nông nghiệp & PTNT;
- Lưu VT (01b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Văn Bình

TTDT(2)

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐỀN	Giờ: S.....
Ngày: / / /	

NHỊ ĐỊNH
Về phát triển ngành nghề nông thôn

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về phát triển ngành nghề nông thôn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số nội dung, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn (cả trung ương và địa phương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nghề truyền thống là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

2. Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

Điều 4. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định trong Nghị định này bao gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.

2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.

4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.

5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.

6. Sản xuất muối.

7. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Chương II CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 5. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống áp dụng đối với các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 có hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 4 Nghị định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc.

c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

3. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

- a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định này.
- b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống.

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 3 Điều này và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống

- a) Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống.
- b) Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hoá dân tộc của nghề truyền thống.
- c) Bản sao giấy công nhận Nghệ nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề

- a) Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn.
- b) Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất.
- c) Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống

- a) Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống bao gồm các văn bản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- b) Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.
- c) Trường hợp chưa được công nhận làng nghề nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

- a) Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét công nhận.
- b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

5. Thời gian xét công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

6. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi bằng công nhận. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc quản lý bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện các quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn định kỳ một năm một lần trước ngày 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp gửi báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Điều 7. Mặt bằng sản xuất

- 1. Các cơ sở ngành nghề nông thôn để xuất dự án đầu tư có hiệu quả được tạo điều kiện thuận lợi về giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
- 2. Đổi với dự án đầu tư đòi hỏi nghiêm ngặt về xử lý ô nhiễm môi trường, bảo đảm yêu cầu nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới được ưu tiên giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất tại các khu, cụm công nghiệp tập trung.
- 3. Ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí để di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch, mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 8. Về đầu tư, tín dụng

Đối với các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả được:

1. Hướng ưu đãi đầu tư theo Luật đầu tư công.
2. Được áp dụng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
3. Được ưu tiên vay vốn từ các tổ chức tín dụng, Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xúc tiến thương mại

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

2. Nhà nước tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại liên quan hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn:

- a) Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hoá, bảo hộ sở hữu thương hiệu;
- b) Hội thi sản phẩm thủ công Việt Nam.

3. Cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại khoản 2 Điều này được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

b) Chi 100% chi phí: Thuê mặt bằng trình diễn sản phẩm; tổ chức hội thi; ăn nghỉ, đi lại đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Nguồn kinh phí và cơ chế hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, các chương trình, kế hoạch khuyến công, khuyến nông hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Điều 10. Khoa học công nghệ

1. Cơ sở ngành nghề nông thôn khi thực hiện các hoạt động triển khai ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ hay tiếp nhận tiến bộ

khoa học kỹ thuật từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thì được hưởng các ưu đãi theo chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ và nông nghiệp, nông thôn.

2. Cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học để tạo ra công nghệ mới, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá thuộc lĩnh vực ngành nghề nông thôn thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất ở làng nghề truyền thống để tăng năng suất, nâng cao khả năng cạnh tranh gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của nghề truyền thống.

Điều 11. Đào tạo nhân lực

1. Người làm nghề truyền thống; người làm nghề tại làng nghề, làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, được hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Các nghệ nhân trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo nghiệp vụ sư phạm nghề nghiệp, kỹ năng dạy học; được thù lao theo quy định khi tham gia đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn. Khi nghệ nhân trực tiếp truyền nghề được thu tiền học phí của người học trên nguyên tắc thỏa thuận.

3. Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần chi phí lớp học cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề. Đối với đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề của nghệ nhân, thù lao công được quyết toán theo số lượng thực tế. Nội dung, mức chi hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Các dự án đầu tư cơ sở dạy nghề nông thôn được hưởng các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định.

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách đảm bảo từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án có liên quan và các nguồn hợp pháp khác. Nội dung chi và mức chi theo quy định về chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Điều 12. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

1. Dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ ngân sách trung ương

a) Đối tượng hỗ trợ xây dựng dự án: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương.

b) Nội dung chi hỗ trợ dự án: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án.

c) Nguyên tắc ưu tiên: Dự án chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; dự án thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; dự án phát triển hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu trong nước hoặc xuất khẩu; dự án sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; dự án sản xuất, chế biến muối sạch; dự án phát triển sinh vật cảnh; Dự án làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; Dự án sản xuất các sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp.

d) Mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

d) Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ

Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở các tỉnh, thành phố khảo sát, lập dự án gửi cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan để xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.

Căn cứ kinh phí hỗ trợ xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện; cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan ở trung ương được giao kinh phí hỗ trợ xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn phê duyệt kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

e) Nguồn kinh phí hỗ trợ Dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến nông, khuyến công và ngân sách của địa phương.

2. Dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

3. Đối với nội dung hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn từ ngân sách trung ương: Thông tin, tuyên truyền; bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo; khảo sát, học tập kinh nghiệm các nước có liên quan; tư vấn và dịch vụ thực hiện theo hướng dẫn cơ chế tài chính của các chương trình khuyến nông, khuyến công, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và chương trình, dự án có liên quan khác.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ khác ngoài các nội dung quy định tại Điều này phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 13. Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề

1. Chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề bao gồm:

- a) Bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống.
- b) Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới.
- c) Phát triển làng nghề mới.

2. Nhà nước có Chương trình và dành kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hỗ trợ các dự án, đề án, kế hoạch, mô hình thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, có cơ chế hỗ trợ các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề trên địa bàn ngoài kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Hỗ trợ phát triển làng nghề

Làng nghề, làng nghề truyền thống được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định này, ngoài ra còn được hưởng các chính sách từ ngân sách địa phương như sau:

1. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; hình thức, định mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề:

a) Nội dung hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề.

b) Nguyên tắc ưu tiên: Làng nghề có nguy cơ mai một, thất truyền; làng nghề của đồng bào dân tộc thiểu số; làng nghề có thị trường tiêu thụ tốt; làng nghề gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; làng nghề gắn với việc bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa thông qua các nghề truyền thống.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề theo quy định của Luật đầu tư công và các bản bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư bao gồm: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách của địa phương.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này, làng nghề được khuyến khích phát triển được hưởng các chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại trung ương có quyền hạn, trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn.

2. Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển làng nghề.

3. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

4. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 16. Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chỉ đạo, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn được giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Xây dựng và ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với làng nghề; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp với làng nghề để khuyến khích phát triển các ngành nghề nông thôn sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế phát sinh chất thải và đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế hình thành và phát triển các loại hình có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương có liên quan ban hành danh mục làng nghề bị ô nhiễm môi trường cần xử lý.

Điều 17. Bộ Công Thương

1. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch khuyến công; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách sau khi được ban hành.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

3. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động khuyến công từ nguồn ngân sách trung ương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 18. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo bồi trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm.

2. Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và khu vực dân cư nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện môi trường đối với làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 19. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này.

Điều 20. Bộ Tài chính

Hướng dẫn, cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để hỗ trợ cho hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm theo quy định hiện hành và quy định tại Nghị định này.

Điều 21. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thực hiện các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 22. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo phát triển du lịch gắn với làng nghề; tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề.

Điều 23. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại địa phương; rà soát các văn bản quy định của địa phương phù hợp với quy định tại Nghị định này; xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, quy định mức chi và bối trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy hoạch phát triển, bảo vệ môi trường làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; định kỳ 5 năm một lần, rà soát, thống kê, phân loại, lập quy hoạch (hoặc kế hoạch quản lý) phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn địa phương.

4. Chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương quản lý việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; hướng dẫn cụ thể về tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc đối với các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống để xem xét, công nhận; rà soát, lập danh sách làng nghề được công nhận; thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư, nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

5. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

6. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

7. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài nguồn kinh phí bố trí trực tiếp thực hiện chính sách này, các địa phương có trách nhiệm bố trí, cân đối thêm từ các nguồn kinh phí các chương trình, dự án khác và nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

8. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 24. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Tăng cường phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan, các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống thông qua các chương trình, dự án về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 và thay thế Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Các quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Phù hợp với các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện.

b) Chưa phù hợp với các tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện việc khắc phục.

3. Đối với những hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết các chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

4. Nghị định không hỗ trợ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ các chương trình khác trùng với các chương trình quy định tại Nghị định này.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Noi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). *xh 195*



Nguyễn Xuân Phúc

